

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Lầu 9+10, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đào Kao, Quận 01, TPHCM

Mã số thuế: 0301874259



BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) Quý 04 Năm 2016

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		319,023,504,202	367,281,515,017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	152,977,237,645	235,469,132,676
1. Tiền	111		49,713,237,645	37,338,632,676
2. Các khoản tương đương tiền	112		103,264,000,000	198,130,500,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17,302,498,008	13,924,738,212
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	18,338,121,333	14,760,113,342
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1,035,623,325)	(835,375,130)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120,739,535,854	78,966,292,048
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	76,192,705,078	41,548,552,357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	7,372,499,934	9,100,560,865
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7a	37,572,875,454	28,715,723,438
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(398,544,612)	(398,544,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.9	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5,577,175,144	7,456,135,503
1. Hàng tồn kho	141	V.10	5,577,175,144	7,456,135,503
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.10	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22,427,057,551	31,465,216,578
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	7,074,541,471	9,843,523,183
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,303,386,566	21,621,693,395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.25	49,129,514	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	V.12	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.13a	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,686,204,317,951	1,052,787,860,373
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,321,740,740	33,474,713,740
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6b	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	3,321,740,740	33,474,713,740
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.8	-	-
II. Tài sản cố định	220		763,639,954,401	315,349,665,030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	697,249,297,473	269,889,898,382
- Nguyên giá	222		936,560,458,851	483,877,030,627
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239,311,161,378)	(213,987,132,245)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.15	20,181,717,131	-
- Nguyên giá	225		20,481,149,136	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(299,432,005)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.16	46,208,939,797	45,459,766,648
- Nguyên giá	228		54,081,349,024	51,172,925,024
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,872,409,227)	(5,713,158,376)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.17	61,873,654,895	65,469,797,345
- Nguyên giá	231		84,498,175,910	84,498,175,910
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22,624,521,015)	(19,028,378,565)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17,326,972,797	219,062,696,186
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.18	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.19	17,326,972,797	219,062,696,186
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		812,337,779,300	402,078,039,454
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	812,337,779,300	402,078,039,454
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27,704,215,818	17,352,948,618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	25,276,380,481	15,384,841,999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	2,427,835,337	1,968,106,619
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.21	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.13b	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.22	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,005,227,822,153	1,420,069,375,390

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		928,506,448,334	551,810,391,587
I. Nợ ngắn hạn	310		214,364,344,086	152,764,143,729
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.23a,c	27,792,221,397	11,030,162,655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.24a	36,205,180	4,974,778
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.25	5,540,636,042	4,807,382,021
4. Phải trả người lao động	314	V.26	18,197,483,617	10,696,273,052
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.27a	21,702,817,780	14,791,991,324
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	V.28	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.29a,c	3,017,837,270	3,074,607,533
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.30a,c	37,172,730,609	42,830,506,552
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.31a,c	90,791,494,525	58,070,079,043
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.32a	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.33	10,112,917,666	7,458,166,771
13. Quỹ bình ổn giá	323	V.34	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	V.35	-	-
II. Nợ dài hạn	330		714,142,104,248	399,046,247,858
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.23b,c	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.24b	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27b	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.29b,c	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.30b,c	7,589,517,867	3,765,501,378
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.31b,c	706,552,586,381	395,280,746,480
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.36	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	V.37	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.38	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.32b	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.39	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,076,721,373,819	868,258,983,803
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,076,721,373,819	868,258,983,803
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.40	312,653,570,000	237,660,390,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312,653,570,000	237,660,390,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.40	193,653,130,653	161,021,127,853
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.36, 40	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.40	(59,352,000)	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.40	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.40	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.40	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.40	71,660,772,746	63,806,788,377
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.40	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.40	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.40	498,813,252,420	405,770,677,573
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		351,121,389,354	265,574,998,000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		147,691,863,066	140,195,679,573
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.40	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.41	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.42	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.43	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,005,227,822,153	1,420,069,375,390



Lê Minh Hải
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2016	Quý 3/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	178,247,965,480	132,442,182,505	615,749,383,764	488,804,112,662
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	2,493,726	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		178,247,965,480	132,442,182,505	615,746,890,038	488,804,112,662
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	148,522,399,841	105,033,524,824	462,927,984,224	367,256,661,120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29,725,565,639	27,408,657,681	152,818,905,814	121,547,451,542
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5,496,788,834	2,482,687,107	15,303,665,159	11,430,579,610
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5,959,567,937	4,484,960,530	33,452,866,099	18,680,592,243
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,542,521,676	3,711,898,988	30,543,153,272	15,461,989,312
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	35,529,146,933	16,899,421,655	98,394,062,831	85,116,798,369
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	26,536,890	209,016,529	180,690,864	930,635,023
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12,419,248,051	7,575,968,002	40,457,187,643	28,276,097,379
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52,346,148,528	34,520,821,382	192,725,889,198	170,707,504,876
12. Thu nhập khác	31	VI.8	(9,116,985,853)	(150,043,691)	2,295,615,365	7,574,917,322
13. Chi phí khác	32	VI.9	(8,870,260,887)	(42,414,492)	2,113,840,542	2,282,442,632
14. Lợi nhuận khác	40		(246,724,966)	(107,629,199)	181,774,823	5,292,474,690
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52,099,423,562	34,413,192,183	192,907,664,021	175,999,979,566
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	3,101,368,502	3,684,714,871	21,323,016,108	20,807,544,011
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	650,875,080	624,853,506	(1,116,003,278)	(179,935,556)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48,347,179,980	30,103,623,806	172,700,651,191	155,372,371,111
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48,347,179,980	30,103,623,806	172,700,651,191	155,372,371,111
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a,c	1,546	1,267	6,276	6,251
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b,c	1,546	1,267	6,276	6,251


Lê Minh Hải
Người lập báo

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý năm nay	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		192,907,664,021	175,999,979,566
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		44,167,843,333	36,006,746,343
- Các khoản dự phòng	03		204,818,633	107,268,902
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(139,015,367)	341,338,677
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(111,824,484,576)	(100,110,525,873)
- Chi phí lãi vay	06		30,543,153,372	15,461,989,512
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		155,859,979,416	127,806,797,127
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9,344,908,729	(29,951,764,258)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,878,960,359	(1,989,745,352)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22,132,578,465	2,149,192,929
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7,122,556,770)	(17,573,366,010)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3,578,007,991)	(4,036,825,450)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14,243,612,641)	(8,490,915,946)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26,340,966,459)	(21,615,637,875)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7,282,668,784)	(8,534,598,340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		130,648,614,324	37,763,136,825
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(271,136,087,706)	(259,632,279,013)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	11,989,422,766
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11,266,668,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(322,535,678,035)	(19,946,481,966)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		28,972,860,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,608,008,538	42,499,850,381
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(546,824,229,203)	(225,089,487,832)

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		18,427,812,800	6,922,150,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(59,352,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		609,346,078,826	410,195,477,404
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(259,595,853,401)	(166,108,636,300)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34,082,762,230)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		334,035,923,995	251,008,991,104
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(82,139,690,884)	63,682,640,097
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		235,469,132,676	172,007,046,256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(352,204,147)	(220,553,677)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		152,977,237,645	235,469,132,676



Lê Minh Hải
 Người lập biểu



Lê Văn Hùng
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2017



Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cổ phần Transimex bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và cộng đồng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Chuyển phát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị	Dịch vụ cho thuê kho	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Transimex	xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương					
Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics	Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê kho	100%	100%	100%	100%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An ⁽¹⁾	Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải biển và xếp dỡ	23,25%	24,66%	23,25%	24,66%
Công ty cổ phần Vinafreight ⁽¹⁾	A8 Trường Sơn P.02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ logistics	38,93%	37,29%	38,93%	37,29%

5d. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ có cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam có trụ sở chính tại 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam là dịch vụ logistics. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam là 50% (số đầu năm là 50%).

5e. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tập đoàn có cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Transimex - Cambodia Company có trụ sở chính tại Suite 09/10B/79, Regency Square, Street 205, SK.Tomnoubteok, KH.Chamkamon, Phnompenh, Cambodia. Hoạt động kinh doanh chính của Transimex - Cambodia Company là dịch vụ logistics. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Transimex - Cambodia Company là 50% (số đầu năm là 50%). Transimex - Cambodia Company không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu với lý do công ty này đã ngưng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 480 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 488 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn cổ thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoàn đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại sổ dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm các chi phí trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn. Các công cụ, dụng cụ có thời gian phân bổ từ 1 năm trở lên và không quá 3 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí thuê văn phòng, kho bãi

Chi phí thuê văn phòng, kho bãi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí cầu đường

Chi phí cầu đường được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đăng ký thẻ hội viên chơi golf được phân bổ vào quỹ thưởng của Ban điều hành quản lý theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (20 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí trả trước dài hạn khác

Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	05

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 30 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (32 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh do một bên kiểm soát chia lợi nhuận sau thuế và đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường bao gồm trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo: giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	49,713,237,645	37,338,632,676
Các khoản tương đương tiền	103,264,000,000	198,130,500,000
Cộng	152,977,237,645	235,469,132,676

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư chứng khoán kinh doanh

	Giá gốc	Số cuối kỳ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Số đầu năm Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cty cp SXKD XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TIX)	57,586,250	69,125,000	-			
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí(PET)	32,785,104	30,360,000	(2,425,104)			
Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (VNT)	12,247,997,695	12,852,510,000	-	12,247,997,695	15,914,550,000	
Công ty cổ phần cảng Đồng Nai (PDN)	3,608,271,404	5,061,255,000	-	120,479,549	124,740,000	
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà Intresco (ITC)	2,325,451,130	1,490,076,000	(835,375,130)	2,325,451,130	1,490,076,000	(835,375,130)
Công ty cổ phần Sông Ba (SBA)	66,029,750	107,500,000		66,029,750	107,500,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)Ngân hàng
thương mại cổ
phần Sài Gòn
Thương Tín
(STB)

155,218

91,700

Cộng**18,338,121,333****19,610,826,000****(837,800,234)****14,760,113,342****17,636,957,700****(835,375,130)****2b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam ⁽ⁱ⁾	GNVC, hàng hóa XNK, Logistics	50,00%	217,430,833,046	50,00%	180,794,178,223
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	GNVC, hàng hóa XNK, Logistics	22,61%	136,972,474,350	24,66%	140,607,631,865
Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	GNVC, hàng hóa XNK, Logistics	44,30%	110,104,541,496	29,99%	80,676,229,365
Cty TNHH VTài Container Hải An (HACT)	GNVC, hàng hóa XNK, Logistics	20,00%	40,000,000,000		
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn	TM DV XNK và đầu tư	35,02%	307,830,000,000		
Cộng			812,337,848,892		338,468,059,145

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam ⁽ⁱ⁾	12,525,000,000	204,905,833,046	217,430,833,046	12,525,000,000	168,269,178,224	180,794,178,224
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	78,513,649,280	58,458,825,070	136,972,474,350	86,750,000,000	53,857,631,865	140,607,631,865
Công ty cổ phần Vinafreight ⁽ⁱⁱⁱ⁾	82,409,729,567	27,694,811,929	110,104,541,496	62,011,800,812	18,664,428,553	80,676,229,365
Cty TNHH VTài Container Hải An (HACT)	40,000,000,000		40,000,000,000			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn (iv)	303,280,000,000	4,550,000,000	307,830,000,000			
Cộng	516,728,378,847	295,609,470,045	812,337,848,892	161,286,800,812	240,791,238,642	402,078,039,454

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000240 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty cổ phần Transimex đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam 12.525.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (ii) Công ty đã mua 5.115.610 cổ phiếu của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An với giá mua là 78,513,649,280 VND, tương đương 22.61% vốn điều lệ.
- (iii) Trong kỳ công ty đã mua thêm 391.800 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vinafreight với giá mua 20,397,928,755 VND. Tại ngày 31/12/2016 Công ty đã nắm giữ 2.474.200 cổ phiếu, tương đương 44.30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vinafreight (Số đầu năm là 2.082.400 cổ phiếu, tương đương 37.29% vốn điều lệ).
- (iv) Trong kỳ công ty đầu tư mua 30.328.000 cổ phiếu Cholimex, tương ứng 35.02% vốn điều lệ của công ty (vốn điều lệ của Cholimex là 866.000.000.000 đồng).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Đầu tư thêm (+)/thanh lý (-)	Phần tài hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Các khoản (tăng/giảm) khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	180,794,178,223		47,580,949,461	(9,500,000,000)	(1,444,294,638)	217,430,833,046
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	140,607,631,865	(13,349,671,293)	30,265,339,520	(15,945,410,000)	(4,605,415,742)	136,972,474,350
Công ty cổ phần Vinafreight	80,676,229,365	20,397,928,755	15,997,773,850	(3,527,450,000)	(3,439,940,434)	110,104,541,496
Cty TNHH VTài Container Hải An (HACT)		40,000,000,000				40,000,000,000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn		303,280,000,000	4,550,000,000			307,830,000,000
Cộng	402,078,039,453	350,328,257,462	98,394,062,831	(28,972,860,000)	(9,489,656,854)	812,337,848,892

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu khách hàng

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
76,396,127,078	41,548,552,357

4. Trả trước cho người bán

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
7,372,499,934	9,100,560,865

5. Các khoản phải thu khác

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
41,369,453,454	28,715,723,438

6. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	5,577,175,144	7,456,135,503

7. Chi phí trả trước ngắn hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	7,074,541,471	9,843,523,183

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	25,276,380,481	15,384,841,999

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ, quần lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	175.303.778.661	275.222.462.008	32.785.182.698	565.607.260	483.877.030.627
Mua sắm mới	32.770.014.031	55.051.950.790	801.932.091	0	88.623.896.912
Giảm trong kỳ	0	(14.372.736.237)	0	0	(14.372.736.237)
Số cuối năm	208.073.792.692	315.901.676.561	33.587.114.789	565.607.260	558.128.191.302
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	61.301.887.663	133.182.661.734	18.936.975.588	565.607.260	213.987.132.245
Khấu hao trong năm	6.487.669.522	17.834.143.970	2.406.507.274	0	26.728.320.766
Giảm trong kỳ	0	(4.072.275.268)	0	0	(4.072.275.268)
Số cuối năm	67.789.557.185	146.944.530.436	21.343.482.862	565.607.260	236.643.177.743
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	114.001.890.998	142.039.800.274	13.848.207.110	0	269.889.898.382
Số cuối năm	140.284.235.507	168.957.146.125	12.243.631.927	0	321.485.013.559

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	44.285.400.000	32.500.000	6.855.025.024	51.172.925.024
Mua sắm mới			45.000.000	45.000.000
Thanh lý, nhượng bán				
Số cuối năm	44.285.400.000	32.500.000	6.900.025.024	51.217.925.024
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.690.450.016	32.500.000	1.990.208.360	5.713.158.376
Khấu hao trong năm	1.037.939.067		830.716.312	1.868.655.379
Số cuối năm	4.728.389.083	32.500.000	2.820.924.672	7.581.813.755
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	40.594.949.984		4.864.816.664	45.459.766.648
Số cuối năm	39.557.010.917		4.079.100.352	43.636.111.269

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc
Số đầu năm	84.498.175.910
Số cuối năm	84.498.175.910
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	19.028.378.565
Khấu hao trong năm	2.038.851.000
Số cuối năm	21.067.229.565
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	68.188.265.345
Số cuối năm	63.430.946.345

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số cuối kỳ	Số đầu năm
17.326.972.797	219.062.696.186

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.427.835.337	1.968.106.619

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
27.792.221.397	11.030.162.655

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.540.636.042	4.807.382.021

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
21.702.817.780	14.791.991.324

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
37.172.730.609	42.830.506.552

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.017.837.270	3.074.607.533

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
10,112,917,666	7.458.166.771

20. Phải trả dài hạn khác

Nhận kỳ quỹ dài hạn.

21. Vay và nợ thuê tài chính**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
90,791,494,525	58.070.079.043

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
706,552,586,381	395.280.746.480

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	230.738.240.000		161.021.127.853	57.855.769.389	296.241.899.498	745.857.036.740
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	6.922.150.000					6.922.150.000
Lợi nhuận trong năm trước					155.372.371.111	155.372.371.111
Chia cổ tức trong năm trước					(21.389.435.100)	(21.389.435.100)
Trích lập các quỹ trong năm trước				5.951.018.988	(16.455.263.800)	(10.504.244.812)
Điều chỉnh khác					(7.998.894.136)	(7.998.894.136)
Số dư cuối năm trước	237.660.390.000		161.021.127.853	63.806.788.377	405.770.677.573	868.258.983.803
Số dư đầu năm nay	237.660.390.000		161.021.127.853	63.806.788.377	405.770.677.573	868.258.983.803
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	39.895.220.000				(39.895.220.000)	0
Phát hành cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi	28.445.320.000		20.856.830.000			49.302.150.000
Phát hành cổ phiếu cho CBCNV	6.652.640.000		11.775.172.800			18.427.812.800
Lợi nhuận trong kỳ					172.700.651.191	172.700.651.191
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước					(7.241.102.356)	(7.241.102.356)
Trích lập các quỹ trong kỳ				7.853.984.369	(17.521.847.368)	(9.667.862.999)
Chia cổ tức bằng tiền mặt					(13.300.339.500)	(13.300.339.500)
Mua cổ phiếu do CBCNV nghỉ việc		(59.352.000)			0	(59.352.000)
Điều chỉnh khác					(1.699.567.120)	(1.699.567.120)
Số dư cuối kỳ	312.653.570.000	(59.352.000)	193.653.130.653	71.660.772.746	498.813.252.420	1.076.721.373.819

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.265.357	23.766.039
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.265.357	23.766.039
- Cổ phiếu phổ thông	31.265.357	23.766.039
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(9.892)	-
- Cổ phiếu phổ thông	(9.892)	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.255.465	23.766.039
- Cổ phiếu phổ thông	31.255.465	23.766.039
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
615,746,890,038	488,804,112,662

2. Giá vốn hàng bán

<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
462,927,984,224	367,256,661,120

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	
15,303,665,159	11,430,579,610

4. Chi phí tài chính

<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	
33,152,866,099	18,180,592,243

5. Chi phí bán hàng

<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	
180,690,864	930,635,023

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	40,457,187,643	28,276,097,379

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	2,295,615,365	7,574,917,322

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	2,113,840,542	2,282,442,632

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Transimex - Cambodia Company Limited	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương)	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.762.450.000	2.365.445.102
Lợi nhuận được chia từ liên doanh		11.000.000.000
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An		
Lợi nhuận được chia	5.491.250.000	5.656.250.000
Lợi nhuận được chia hợp tác kinh doanh	8.820.373.115	6.269.211.473
Góp vốn		
Góp vốn hợp tác kinh doanh	7.084.100.000	12.915.900.000
Công ty cổ phần Vinafreight		
Lợi nhuận được chia	1.072.350.000	2.587.650.000
Góp vốn	5.090.081.375	19.297.395.746

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Logistics: Giao nhận vận chuyển nội địa và quốc tế, cho thuê kho, khai thác cảng nội địa ICD, ...
- Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản: cho thuê tòa nhà và quản lý tòa nhà.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Cộng
Lấy kể từ đầu năm đến 31/12/2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	610,513,334,285	29,206,450,367	639,719,784,652
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	(23,531,776,092)	(441,118,522)	(23,972,894,614)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	586,981,558,193	28,765,331,845	615,746,890,038
Chi phí bộ phận	(494,005,056,468)	(9,560,806,263)	(503,565,862,731)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	92,976,501,725	19,204,525,582	112,181,027,307
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	92,976,501,725	19,204,525,582	112,181,027,307
Doanh thu hoạt động tài chính	14,095,198,462	1,208,466,697	15,303,665,159
Chi phí tài chính	(33,487,821,349)	334,955,250	(33,152,866,099)
Thu nhập khác	2,065,285,819	230,329,546	2,295,615,365
Chi phí khác	(2,113,840,542)	0	(2,113,840,542)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	98,394,062,831	0	98,394,062,831
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(17,129,080,693)	(4,193,935,415)	(21,323,016,108)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1,116,003,278	0	1,116,003,278
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	155,916,309,531	16,784,341,660	172,700,651,191

	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1,077,269,091,885	94,996,712,220	1,172,265,804,105
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			832,962,018,048
Tổng tài sản			2,005,227,822,153

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	903,396,818,448	14,996,712,220	918,393,530,668
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			10,112,917,666
Tổng nợ phải trả			928,506,448,334
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	558,160,213,999	83,585,151,855	641,745,365,854
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			369,983,701,872
Tổng tài sản			1,011,729,067,726
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	247,742,767,256	12,488,272,763	260,231,040,019
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5,640,990,967
Tổng nợ phải trả			265,872,030,986

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.977.237,645			152.977.237,645
Chứng khoán kinh doanh	16.012.670,203		2.325.451,130	18.338.121,333
Phải thu khách hàng	75.473.458,328	524.124,138	398.544,612	76.396.127,078
Các khoản phải thu khác	39.645.367,602			39.645.367,602
Cộng	284.108.733,778	524.124,138	2.723.995,742	287.356.853,658
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	235.469.132,676	-	-	235.469.132,676
Chứng khoán kinh doanh	12.434.662,212	-	2.325.451,130	14.760.113,342
Phải thu khách hàng	40.625.883,607	524.124,138	398.544,612	41.548.552,357
Các khoản phải thu khác	18.773.269,702	-	-	18.773.269,702
Cộng	307.302.948,197	524.124,138	2.723.995,742	310.551.068,077

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	27.792.221,397	-	27.792.221,397
Vay và nợ	90.791.494,525	706.552.586,381	797.344.080,906
Các khoản phải trả khác	58.875.548,389	7.589.517,867	66.465.066,256
Cộng	177.459.264,311	714.142.104,248	891.601.368,559
Số đầu kỳ			
Phải trả người bán	11.030.162,655	-	11.030.162,655
Vay và nợ	58.070.079,043	345.978.596,480	404.048.675,523
Các khoản phải trả khác	57.367.334,523	3.765.301,378	61.132.835,901

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
	126.467.576.221	349.744.097.858	476.211.674.079

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có các giao dịch cung cấp hoặc nhận dịch vụ trong lĩnh vực logistics với các đối tác nước ngoài và đồng tiền giao dịch là ngoại tệ do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	USD	SGD	HKD	USD	SGD	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.955.700,09	-	2.500,00	4.082.788,6	-	2.500,00
Phải trả người bán	-	(5.000,00)	-	-	(5.000,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.955.700,09	(5.000,00)	2.500,00	4.082.788,6	(5.000,00)	2.500,00

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	152,977,237,645	-	235,469,132,676	-
Chứng khoán kinh doanh	18,338,121,333	(1,035,623,325)	14,760,113,342	(835,375,130)
Phải thu khách hàng	76,396,127,078	(398,544,612)	41,548,552,357	(398,544,612)
Các khoản phải thu khác	39,645,367,602	-	18,773,269,702	-
Cộng	287,356,853,658	(1,434,167,937)	310,551,068,077	(1,233,919,742)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	27,792,221,397	11,030,162,655	27,792,221,397	11,030,162,655
Vay và nợ	797,344,080,906	404,048,675,523	797,344,080,906	404,048,675,523
Các khoản phải trả khác	66,465,066,256	61,132,835,901	66,465,066,256	61,132,835,901
Cộng	891,601,368,559	476,211,674,079	891,601,368,559	476,211,674,079

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả khác ngắn hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 04 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản vay và phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch của 3 Công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2017



Lê Minh Hải
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

Số: 45 / KT-TMS/2017

V/v: **Giải trình kết quả hoạt động**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2017

kinh doanh hợp nhất Quý 04 năm 2016

Kính gửi : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty Cổ Phần TRANSIMEX-SAIGON (Mã CK: TMS) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04 năm 2016 tăng so với Quý 04 năm 2015 như sau:

**Bảng so sánh kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất
Quý 04 năm 2016 và Quý 04 năm 2015**

DVT: VND

Chỉ tiêu	Quý 04		Tăng (giảm)	
	Năm 2016	Năm 2015	Giá trị	Tỉ lệ %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178,247,965,480	132,442,182,505	45,805,782,975	34.59%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29,725,565,639	27,408,657,681	2,316,907,958	8.45%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	35,529,146,933	16,899,421,655	18,629,725,278	110.24%
Doanh thu hoạt động tài chính	5,496,788,834	2,482,687,107	3,014,101,727	121.40%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	48,347,179,980	30,103,623,806	18,243,556,174	60.60%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất Công ty Quý 04 năm 2016 tăng so với quý 04 năm 2015 là 18.243.556.174 đồng (tương ứng tăng 60.60%), nguyên nhân chủ yếu là do:

1. Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 04/2016 tăng so với Quý 04/2015 2.316.907.958 đồng tương ứng tăng 8.45%;
2. Phần lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết Quý 04/2016 tăng so với Quý 04/2015 là 18.629.725.278 đồng tương ứng tăng 110.24%.
3. Doanh thu hoạt động tài chính quý 04/2016 tăng 3.014.101.727 đồng so với Quý 04/2015 tương ứng tăng 121.40%.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Duy Hiệp

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KTTG, TCHC